Sign In

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Số: 78/2002/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂNNÔNG THÔN

Ban hành Quy phạm kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng vàđất lâm nghiệp trong lực lượng kiểm lâm

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ chức năng,nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn;

Căn cứ Chỉ thị số 32/2000/CT-BNN-KL ngày 27/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn về việc giao cho lực lượng kiểm lâm tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đấtlâm nghiệp trong phạm vi toàn quốc;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy phạm kỹ thuật theo dõi diễn biếnrừng và đất lâm nghiệp trong lực lượng kiểm lâm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3.Các Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cục vụ, viện, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ươngvà các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY PHẠM KỸ THUẬT THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG VÀ ĐẤT LÂMNGHIỆP

(ban hành kèm theo Quyết định số 78/2002/QĐ-BNN-KL,ngày 28/8/2002

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CHƯƠNG I

NHƯNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy phạm này quy định những nội dung cơ bản; giải pháp kỹ thuật; tổ chức thựchiện và chế độ báo cáo về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trong lực lượngkiểm lâm.

Điều 2.Mục đích theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp là: Hàng năm nắm vững diệntích các loại rừng, đất lâm nghiệp hiện có; sự biến động diện tích các loạirừng, các loại đất quy hoạch cho sản xuất lâm nghiệp theo lãnh thổ nhằm giúphoạch định chính sách lâm nghiệp ở địa phương và trung ương phục vụ công tácbảo vệ và phát triển rừng.

Điều 3.Nguyên tắc theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp như sau:

1.Cập nhật diện tích các loại rừng và đất lâm nghiệp trên cơ sở phân loại rừng vàđất rừng theo Quy phạm thiết kế kinh doanh rừng QPN 6-84 ban hành kèm theo Quyếtđịnh số 682/BLLKT ngày 01/8/1984 của Bộ trưởng BộLâm nghiệp (nay làBộ Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn); dữ liệu cơ sở ban đầu là kết quả kiểm kê rừng đã được công bố tại Quyếtđịnh số 03/2001/QĐ-TTg ngày 05/1/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệtkết quả tổng kiểm kê rừng toàn quốc (sau đây gọi chung là Quyết định số08/2001/QĐ-TTg).

2.Đơn vị cơ sở theo dõi và cập nhật là lô trạng thái. Đơn vị thống kê là khoảnh,tiểu khu, xã, huyện, tỉnh và toàn quốc.

3.Việc theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được tổ chức ở thực địa trên cơ sở ứng dụngcác phần mềm xử lý cơ sở dữ liệu, công nghệ xử lý bản đồ, công nghệ xử lý ảnhviễn thám phải được quản lý, sử dụng thống nhất chung trong toàn quốc.

Điều 4.Đầu tư trang thiết bị và hệ thống mạng máy tính phục vụ theo dõi diễn bản đấtlâm nghiệp kết nối từ Cục kiểm lâm đến cấp huyện gắn với tổ chức Hạt Kiểm lâmhiện có.

Điều 5.Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng, đất lâm nghiệp cáccấp, đặc biệt là kiểm lâm viên cơ sở có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vànắm vững công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu trên máy tính, theo dõidiễn biến rừng và đất lâm nghiệp ngoài thực địa.

Điều6. Sử dụngcông nghệ thông tin địa lý (GIS) để xử lý bản đồ trên máy tính áp dụng côngnghệ viễn thám để kiểm tra, chỉnh lý các loài rừng, đất rừng và xác định ranhgiới tới lô rừng.

Điều 7.Kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được công bố hàng năm, baogồm:

1.Bản đồ hiện trạng rừng:

a)Cấp xã: Bản đồ tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/10.000,

b)Cấp huyện: Bản đồ tỷ lệ 1/50.000 (thị xã sử dụng bản đồ 1/25.000),

c)Cấp tỉnh: Bản đồ tỷ lệ 1/100.000,

d)Toàn quốc: Bản đồ tỷ lệ 1/1.000.000.

2.Biểu tổng hợp diện tích các loại đất, loại rừng theo đơn vị lâm phần rừng làtiểu khu, theo đơn vị hành chính các cấp là xã, huyện, tỉnh và toàn quốc:

Biểu1. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo loại rừng:

Biểu2. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo chức năng sử dụng rừng.

Biểu3. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo chủ quản lý.

Biểu4. Diện tích rừng trồng theo loài cây và cấp tuổi.

Biểu5. Diễn biến diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo các nguyên nhân.

Cơsở dữ liệu diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên đây được lưu trữ trên hệ thốngmạng máy tính chuyên ngành.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 8.Cơ sở dữ liệu gốc theo dõi diễnbiến rừng và đất lâm nghiệp gồm số liệu, kết quả kiểm kê rừng đã được công bốtại Quyết định số 3/2001/QĐ-TTg.

1.Số hóa nền bản đồ địa hình chuẩncó ranh giới hành chính xã theo Chỉ thị số 364/CT ngày 6/11/1991 của Chủ tịchHội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chínhphủ) về việc giải quyết ranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chínhtỉnh - huyện - xã.

2.Số hóa bản đồ kết quả kiểm kê theocác cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh) từ nguồn tài liệu kiểm kê, đặc biệt làphiếu tính diện tích 02.

3.Khởi tạo cơ sở dữ liệu gốc ứng với mốc thời điểm kết thúc kiểm kê để theo dõidiễn biến rừng, đất lâm nghiệp hàng năm. Cơ sở dữ liệu quản lý đồng thời cả bản đồ và số liệu.

Điều 9.Lực lượng kiểm lâm thường xuyên thu thập thông tin biến động diện tích rừngvà đất lâm nghiệp ngoài thực địa; cập nhật những thay đổi về rừng, đất lâm nghiệp bao gồmcả số liệu và bản đồ vào cơ sở dữ liệu.

Việccập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được tiến hành khoanh vẽ trên bản đồđáp ứng theo cả 2 mức độ:

1.Mức độ 1: Diện tích lô lớn hơn hoặc bằng 0,5 ha (tương ứng 0,5 cm^2trên bản đồ tỷ lệ 1/10.000) được khoanh vẽ trên bản đồ.

2.Mức độ 2: Diện tích lô nhỏ hơn 0,5 ha hoặc cây phân tán, thì chỉ cần ghi sốliệu trên phiếu cập nhật mà không nhất thiết phải khoanh vẽ trên bản đồ.

Trongtrường hợp một lô có nhiều trạng thái và không thể bóc tách được các trạng tháiriêng biệt để khoanh vẽ trên bản đồ, thì chấp nhận lô có nhiều trạng thái vàphải tính toán diện tích, xác định các thuộc tính tương ứng như loại chủ quảnlý, ba loại rừng cho từng trạng thái riêng biệt.